

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG BÌNH 30 NĂM ĐẦU THẾ KỈ XX

ThS. ĐỖ MẠNH HÙNG

Trường Đại học Sư phạm Huế

ThS. LÊ XUÂN KHÁNH

NCS, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Huế

Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, Quảng Bình là một trong những vùng đất phải hứng chịu nhiều đau thương mất mát do chiến tranh gây nên. Chính điều này đã tôi luyện con người Quảng Bình trở nên anh dũng, kiên cường, bất khuất. Nhân dân Quảng Bình luôn nêu cao nghĩa khí chống giặc ngoại xâm bảo vệ quê hương, làm rạng rỡ sự nghiệp giữ nước của cha ông.

Nhằm làm sáng tỏ hơn những chặng đường lịch sử của dân tộc nói chung và Quảng Bình nói riêng, bài viết phân tích về “*phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình 30 năm đầu thế kỉ XX*”. Qua đó, góp phần bổ cứu nguồn tư liệu về lịch sử Quảng Bình cũng như lịch sử Việt Nam trong một giai đoạn đặc biệt của thời kì cận đại.

1. Những tiền đề dẫn đến sự hình thành, phát triển của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam 30 năm đầu thế kỉ XX

1.1. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội và yêu cầu của lịch sử dân tộc

Sau khi về cơ bản bình định xong Việt Nam bằng quân sự (1896), từ năm 1897 thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất với mục đích tối thượng là nhanh chóng biến Đông Dương thành một thuộc địa khai thác bậc nhất, bảo đảm siêu lợi nhuận cao nhất cho đế quốc Pháp. Hệ quả khách quan của chương trình khai thác thuộc địa này là sự ra đời, phát triển của một số ngành kinh tế và lực lượng xã hội mới cùng với sự chuyển biến của kết cấu kinh tế xã hội cũ theo một xu hướng mới, từ đó làm chuyển động mô hình kinh tế - xã hội cổ truyền đi vào một quỹ đạo tiến bộ hơn, quỹ đạo sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa.

Từ sự thay đổi về chính trị, kinh tế, xã hội đã làm cho mối quan hệ truyền thống giữa địa chủ phong kiến và nông dân mất đi vai trò độc tôn trong xã hội. Quan hệ xã hội bao trùm là mối quan hệ giữa thực dân Pháp với toàn thể nhân dân Việt Nam. Bên cạnh đó, một quan hệ xã hội mới nảy sinh, quan hệ giữa tư sản (nước ngoài và Việt Nam) với vô sản. Chính các mối quan hệ xã hội này dẫn đến những mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam. Đây chính là cơ sở xã hội để hình thành một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ vì độc lập tự do của đất nước, vì sự phát triển và tiến bộ của xã hội.

Cuối thế kỉ XX, phong trào vũ trang chống Pháp dưới ngọn cờ Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đứng đầu đã kết thúc với sự thất bại của cuộc khởi

nghĩa Hương Khê (1896). Bên cạnh đó, cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo gặp rất nhiều khó khăn, thực dân Pháp đang chuẩn bị mọi điều kiện để tiêu diệt pháo đài cuối cùng của phong trào tự động kháng chiến của nhân dân ta. Phong trào yêu nước mang màu sắc tôn giáo như phong trào “Hội kín” ở Nam Kỳ, các cuộc vận động cứu nước của Vương Quốc Chính (1895-1896), của Kỳ Đồng và Mạc Đĩnh Phúc (1895-1897), cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ và Trần Cao Vân (1898) cũng lần lượt thất bại.

Thực tiễn lịch sử trên đây chứng tỏ sự khủng hoảng của hệ tư tưởng phong kiến, nó không còn đủ khả năng tập hợp nhân dân vào công cuộc cứu nước và đưa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi. Trong bối cảnh đó, một số nhà yêu nước đã phải đi tìm một cuộc sống ẩn dật, chờ thời. Một số chán đời, tiêu cực, không ra làm quan, cũng không hoạt động yêu nước. Có người đã phải hợp tác với kẻ xâm lược. Một số lại xem như việc lớn đã qua, tâm trạng bi quan, chán nản, bế tắc. Tuy vậy, không ít sĩ phu vẫn một lòng sắt son với sự nghiệp cứu nước, cứu dân, ngày đêm trăn trở với những vấn đề bức xúc của lịch sử dân tộc lúc bấy giờ.

Tình hình trên đây chứng tỏ phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta đang lâm vào tình trạng bế tắc, khủng hoảng về một con đường cứu nước. Lịch sử dân tộc đòi hỏi phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới để giải phóng dân tộc trong bối cảnh lịch sử mới. Trong bối cảnh của một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, những người thiết tha với vận nước đều ý thức được sự lỗi thời của thiết chế xã hội cũ về mọi mặt và không thể trở lại vết xe đổ của thời kỳ Cần Vương đã quyết chí đi tìm một con đường cứu nước mới hữu hiệu hơn. Đây là cơ sở vật chất và tinh thần cho sự tiếp thu những tư tưởng cứu nước mới.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường bộ máy thống trị đồng thời tiến hành nhiều cải cách trên các lĩnh vực chính trị, văn hóa, giáo dục, đặc biệt là cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai với quy mô lớn, cường độ mạnh, tốc độ nhanh. Từ đó dẫn đến sự chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều mặt, nhất là về kinh tế - xã hội. Bộ phận kinh tế tư bản hiện đại hình thành ngày càng rõ nét, sự hội nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới ngày càng sâu hơn. Nền kinh tế Việt Nam ngày càng bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp. Cùng với sự chuyển biến về kinh tế, sự chuyển biến về mặt xã hội mạnh mẽ hơn trước. Giai cấp công nhân phát triển nhanh chóng về số lượng, ý thức giai cấp, ý thức chính trị ngày càng trưởng thành. Tư sản dân tộc trở thành một giai cấp và nhanh chóng vươn lên trình độ tự giác. Tầng lớp tiểu tư sản trí thức ngày càng đông đảo, trở thành lực lượng năng động nhất trong phong trào yêu nước và cách mạng những năm 20 của thế kỉ XX. Đây là cơ sở để tiếp thu các hệ tư tưởng cách mạng dẫn đến sự chuyển biến của phong trào dân tộc dân chủ theo hai khuynh hướng cách mạng tư sản và vô sản.

Quảng Bình là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam. Do đó, những chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng của dân tộc đều được soi sáng, lan tỏa đến mảnh đất Quảng Bình. Là vùng đất có truyền thống đấu tranh vũ trang bất khuất, cùng với những chuyển biến về chính trị, kinh tế, xã hội dưới tác động của các chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã hình thành nên phong

trào yêu nước và cách mạng phát triển mạnh mẽ, rộng khắp trong toàn tỉnh 30 năm đầu thế kỉ XX.

1.2. Tác động của tình hình thế giới đối với Việt Nam

Từ nửa sau thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược các quốc gia phong kiến phương Đông, biến các quốc gia này thành thị trường tiêu thụ hàng hóa, cung cấp nguyên vật liệu, khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc.

Ở châu Á, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ ở Trung Quốc với những nhân vật tiêu biểu là Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi với chủ trương cải cách, truyền bá những học thuyết chính trị mới, phát triển khoa học kỹ thuật, phát triển ngành nghề, trang bị máy móc kỹ thuật hiện đại, đề cao dân chủ, văn hoá, giáo dục tiến hành theo kiểu phương Tây.

Thành công của công cuộc Minh Trị Duy Tân Nhật Bản đã tác động sâu sắc đến Việt Nam, đặc biệt là chiến thắng của họ trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905). Các sĩ phu yêu nước tiến bộ tin tưởng rằng, Nhật Bản đã thành công trong việc học tập theo văn minh phương Tây thì Việt Nam cũng sẽ thành công nếu dốc lòng theo con đường ấy. Bên cạnh đó, các sĩ phu yêu nước nhận thấy rằng “*tự ta không đủ sức đánh đuổi Pháp, mà ta thì muốn đánh đuổi Pháp, vậy phải đi cầu viện ở người, muốn tìm ngoại viện thì không gì bằng sang Nhật*”¹. Vì vậy, các sĩ phu yêu nước tiến bộ đã “*bỏ qua bản chất của đế quốc Nhật, chỉ chú ý đến việc một cường quốc da vàng đánh bại một cường quốc da trắng*”². Phong trào sang Nhật cầu học diễn ra sôi nổi từ năm 1905 đến năm 1908 là một trong những nét nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thành công cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, “*mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc*”³. Quốc tế cộng sản ra đời trở thành bộ tham mưu của phong trào cách mạng thế giới và tác động to lớn đối với cách mạng Việt Nam. Phong trào cách mạng dân chủ ở Trung Quốc do Trung Hoa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo cũng ảnh hưởng đến Việt Nam. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhất là hoạt động của Đảng Cộng sản Pháp và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á cũng là những nhân tố khách quan thúc đẩy cách mạng Việt Nam phát triển.

Tình hình quốc tế và khu vực nêu trên đã tác động mạnh mẽ đến sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam nói chung, Quảng Bình nói riêng:

¹ Trần Bá Đệ (chủ biên) (2007), “*Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*”, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.199.

² Trần Văn Giàu (2003), “*Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám*”, Tập 1, Nxb Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, tr.547.

³ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.562.

“Như một luồng gió mới, kích thích sự tìm tòi khám phá về một con đường mới buộc tư duy chính trị truyền thống phải có những bước chuyển nhất định”⁴.

2. Phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình 30 năm đầu thế kỉ XX

2.1. Phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình trước chiến tranh thế giới thứ nhất

Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, Quảng Bình là một trong những tỉnh có phong trào đấu tranh chống Pháp diễn ra sớm và sôi nổi. Trong lúc triều đình nhà Nguyễn kí các hiệp ước đầu hàng thì nhân dân Quảng Bình, mà thực chất là phong trào nông dân chống Pháp dưới ngọn cờ Cần Vương do các sĩ phu yêu nước như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Lê Mộ Khải, Đề Ân, Đề Chít... lãnh đạo đã nổi lên đánh Pháp quyết liệt trong 4 năm (1885-1888) làm cho kẻ thù vô cùng khiếp sợ⁵. Các cuộc khởi nghĩa tuy không thành công, vua Hàm Nghi bị bắt, một số thủ lĩnh phong trào Cần Vương bị giết, nhưng căn cứ địa của nghĩa quân ở nhiều vùng vẫn được duy trì, phong trào chống Pháp xâm lược vẫn kéo dài đến nhiều năm sau. Từ đó ngọn lửa yêu nước, tinh thần chống ngoại xâm của nhân dân khi âm ỉ, khi sôi nổi, nung nấu ngày một sâu sắc không bao giờ tắt.

Tiếp sau phong trào Cần Vương, nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân Quảng Bình chống sưu cao thuế nặng, chống địa chủ cướp ruộng đất, chống hào lý tham ô những nhiều diễn ra khắp nơi. Trong những năm đầu thế kỉ XX, nhân dân Quảng Bình tích cực tham gia tổ chức Duy Tân hội, hưởng ứng mạnh mẽ phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng và đấu tranh chống chế độ sưu cao thuế nặng của chính quyền thực dân phong kiến.

2.1.1. Quảng Bình với Duy Tân hội và phong trào Đông Du

Tháng 4 năm 1905, Phan Bội Châu và các cộng sự thành lập một hội đảng bí mật, sau này có tên là Duy Tân hội. Cường Để được cử làm hội trưởng để “thu phục nhân tâm”, tập hợp sĩ phu yêu nước, tranh thủ sự đồng tình và giúp đỡ của những người trong và nước ngoài. Mục đích chính của hội là đánh Pháp, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Để thực hiện mục đích trên, Duy Tân hội đề ra kế hoạch hành động gồm 3 điểm:

“1. Muốn khuếch trương thế lực cho hội, tất phải trong một kỳ hạn gần đây, chiêu đảng viên cho đông thêm, góp đảng phí cho dày thêm. Sẽ trừ tính cho đủ món tài liệu.

2. Sau khi bạo động phát nạn được rồi, phải lo gấp những tài liệu tiếp tục để tiến hành.

⁴ Doãn Chính, Phạm Đào Thịnh (2007), “*Quá trình chuyển biến tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX qua các nhân vật tiêu biểu*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.24.

⁵ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình (1974), *Sơ thảo lịch sử Cách mạng tháng Tám Quảng Bình*, in tại Xí nghiệp in Quảng Bình, tr.12.

3. *Định một phương châm ra ngoài cầu viện với thủ đoạn nên như thế nào*⁶.

Thi hành kế hoạch trên, Phan Bội Châu và các yếu nhân của Duy Tân hội phân công địa bàn phụ trách để phát triển thế lực của hội về người và tài chính. Trong đó, khu vực từ Quảng Trị, Quảng Bình trở ra là địa hạt do cụ Phan Bội Châu phụ trách. Tại các điểm dừng chân của Phan Bội Châu trong hành trình từ Quảng Trị ra Bắc, quần chúng nhân dân ở các địa phương đã tích cực tham gia tổ chức Duy Tân hội, đặc biệt là đồng bào Công giáo Quảng Bình. Về vấn đề này, tác giả Phạm Văn Sơn viết: *“Trên đường từ Quảng Trị ra Bắc, cụ Phan đã kết nạp được những người yêu nước, một số linh mục và giáo đồ: cụ Tường ở Mộ Vinh, cụ Truyền ở Mĩ Du, cụ Thông ở Quỳnh Lưu, cụ Ngọc ở Ba Đồn và một số thầy truyền giáo. Người có công trong việc giới thiệu các đồng bào Công giáo gia nhập cách mạng ở đây là Phó Lãnh binh Ngô Quảng”*⁷.

Bên cạnh đó, việc xuất dương cầu viện là vấn đề được các yếu nhân của Duy Tân hội đề cập khi các lực lượng yêu nước đã thất bại trong phong trào vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX. Trước đây, đã có người nghĩ tới cầu viện nước Đức rồi đi xin viện trợ nhà Thanh. Tuy nhiên, nhà Thanh đầu thế kỉ XX đã suy yếu, không thể tự cứu nổi mình, cho nên các sĩ phu yêu nước Việt Nam cũng không thể trông cậy vào sự viện trợ của Trung Quốc được. Giữa lúc đó, nước Nhật phát triển mạnh mẽ, từ một nước phong kiến lạc hậu trở thành một nước đế quốc. Tầm gương tự cường của Nhật càng được ngưỡng mộ khi họ giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật (1904-1905). Vì quá ngưỡng mộ nước Nhật, tin vào lòng tốt của Nhật, một nước đồng chủng, đồng văn, đồng châu, dù rằng cũng biết ít nhiều về bản chất đế quốc của họ, các sĩ phu do quá nôn nóng với mục đích cứu nước đã bỏ qua những mặt xấu của nước “anh cả da vàng” để rồi hết lòng trông cậy vào liệt cường Nhật Bản, mong họ “vui lòng viện trợ ta”.

Ngày 23 tháng 2 năm 1905, Phan Bội Châu cùng Tăng Bạt Hổ và Đặng Tử Kính lên đường sang Nhật để cầu viện. Phan Bội Châu đã gặp hai nhân vật quan trọng của Đảng Tiến bộ đang cầm quyền là Bá tước Đại Ôi Trọng Tín và Thủ tướng Khuyễn Dưỡng Nghị để trực tiếp đặt vấn đề xin Thiên hoàng và Chính phủ Nhật giúp Việt Nam đánh Pháp, nhưng họ đều thoái thác, từ chối việc giúp đỡ về quân sự, chỉ khuyên nên kiên trì chờ đợi thời cơ mới.

Khi bị khước từ, Phan Bội Châu tỉnh giấc, ông chuyển hướng tư tưởng, chú trọng vào việc xây dựng thực lực để giải phóng đất nước. Do đó, việc đi cầu viện quân sự đã biến thành phong trào xuất dương du học, còn gọi là phong trào Đông Du, đánh dấu sự chuyển biến trong biện pháp cứu nước của Phan Bội châu và Duy Tân hội.

Tháng 6 năm 1905, Phan Bội Châu cùng Đặng Tử Kính trở về nước để tiến hành cuộc vận động xuất dương, lập các hội nông, hội thương, hội học nhằm tập hợp quần

⁶ Phan Bội Châu (2000), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế, tr.127-128.

⁷ Phạm Văn Sơn, *Việt Sử tân biên*, Tập 6, Nxb Đại Nam, Tp. Hồ Chí Minh, tr.360.

chúng và nhanh chóng đưa Cường Đê sang Nhật. Phong trào nhận được sự hưởng ứng sôi nổi của đồng bào cả nước, trong đó có nhân dân Quảng Bình. Tháng 9 và tháng 10 năm 1905, “*cụ Phan Bội Châu lui về các tỉnh Nghệ - Tĩnh - Bình để gặp các đảng hữu và nhóm họp với các chiến sĩ Công giáo ở một giáo đường nhỏ tại Ba Đồn. Đồng bào ở đây cũng nhiệt liệt tán thành vấn đề ngoại viện và Đông học*”⁸.

Phong trào Đông Du là hoạt động chống chủ nghĩa thực dân trên nền tảng xu hướng duy tân trong phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX. Sự hưởng ứng nhiệt thành của quần chúng nhân dân Quảng Bình đối với phong trào Đông Du là biểu hiện của một cuộc canh tân về tư duy cứu nước, từ tư duy yêu nước truyền thống là bạo động để khôi phục độc lập đã chuyển sang tư duy cải cách, đổi mới, tranh thủ học tập tri thức mới tiên bộ để cứu nước, cứu dân, mở ra con đường phát triển tự cường của tỉnh nhà.

2.1.2. Phong trào chống sưu thuế năm 1908

Trong bối cảnh nhân dân Trung Kỳ đang rên xiết dưới chế độ sưu cao thuế nặng của chính quyền thực dân phong kiến, tư tưởng duy tân cải cách của các sĩ phu yêu nước tiến bộ được truyền bá vào quần chúng đã làm trỗi dậy ý thức dân tộc, dân chủ, làm cho họ giác ngộ về quyền sống, quyền tự do, quyền làm người và trước hết phải chống sưu cao, thuế nặng.

Phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908 là một trong những sự kiện nổi bật của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. Phong trào bắt đầu bằng cuộc đấu tranh chống sưu thuế của nhân dân Quảng Nam vào ngày 9 tháng 3 năm 1908, sau đó lan nhanh ra hầu khắp các tỉnh Trung Kỳ. Về nguyên nhân bùng nổ phong trào, trong một bài viết đăng trên báo *Người Đông Dương*, Toàn quyền Lannessan phải thú nhận: “*Nguyên nhân chủ yếu của các cuộc biểu tình là do thuế má quá nặng và những cuộc biểu tình nổ ra trước tiên ở Trung Kỳ vì tại đây, người ta tăng thuế nhanh nhất nhưng lại kém sáng suốt nhất. Thuế đã nặng, cách thu lại phiền phức, ngoài ra ta còn đặt thêm các việc độc quyền muối, rượu...*”⁹.

Những cuộc biến động mạnh mẽ ở Quảng Nam, Quảng Ngãi đã ảnh hưởng đến các tỉnh Bắc Trung Kỳ, trong đó có Quảng Bình. Từ tháng 4 năm 1908, xuất hiện các cuộc biểu tình của quần chúng nhân dân ở một số địa phương trong tỉnh. Ngày 21 tháng 5 năm 1908, hàng ngàn quần chúng nhân dân Quảng Bình đã kéo lên tỉnh lỵ đòi giảm sưu thuế. Những người lãnh đạo cuộc biểu tình không chỉ lôi cuốn nông dân với thuế đinh, thuế điền, sưu dịch mà còn thu hút các tầng lớp khác bằng việc đòi bỏ thuế chợ, thuế đò, thuế muối, thuế mắm. Mục tiêu của cuộc đấu tranh không chỉ dừng lại ở việc đòi giảm sưu thuế trước mắt mà còn đòi trừng trị tham quan ô lại, tiến tới thực thi dân quyền.

Phong trào chống sưu thuế ở Quảng Bình năm 1908 là kết quả của cuộc vận động dân tộc, dân chủ theo khuynh hướng dân chủ tư sản trong những năm đầu thế kỉ XX, là

⁸ Phạm Văn Sơn, *Việt Sử tân biên*, Tập 6, Tlđđ, tr.361.

⁹ Phạm Văn Sơn, *Việt Sử tân biên*, Tập 6, Tlđđ, tr.412.

một trong những sự kiện đánh dấu bước phát triển mới của phong trào yêu nước Quảng Bình. Đây không phải đơn thuần là một phong trào đấu tranh chống sưu thuế mà thực chất là một vụ dân biến. Nét đặc sắc trên đây cùng với những biểu hiện phong phú, đa dạng của nó đã trở thành một dấu hiệu mới đe dọa thật sự nền thống trị của thực dân Pháp.

2.2. Phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1930

2.2.1. Sự phát triển của phong trào yêu nước

Đề thủ tiêu ngọn cờ yêu nước tiêu biểu đầu thế kỉ XX của dân tộc Việt Nam, ngày 30 tháng 6 năm 1925, thực dân Pháp đã bắt cóc Phan Bội Châu ở Thượng Hải (Trung Quốc), đưa về giam ở Hỏa Lò (Hà Nội) và định bí mật thủ tiêu. Tuy nhiên, âm mưu che giấu việc bắt cóc và giam giữ Phan Bội Châu một cách bí mật đã thất bại. Sự việc trên nhanh chóng lọt ra ngoài. Lập tức phong trào đấu tranh đòi thả nhà yêu nước Phan Bội Châu diễn ra trong cả nước. Tại Quảng Bình, một số trường học ở “*Đồng Hới, Ba Đồn, Ròn tổ chức mít tinh đòi thả cụ Phan Bội Châu. Nhiều học sinh Quảng Bình học ở Huế và một số nơi khác cũng tham gia biểu tình đòi thả cụ Phan*”¹⁰.

Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, cuối cùng thực dân Pháp buộc phải “*ân xá*” cho cụ Phan và đưa ông về “*an trí*” tại Huế dưới sự kiểm soát ngày đêm của bọn mật thám.

Sau khi được “*ân xá*”, vào những dịp thuận lợi, Phan Bội Châu đi nói chuyện, diễn thuyết ở nhiều nơi. Tại Quảng Bình, cụ Phan đến diễn thuyết ở Đồng Hới, Hoàn Lão, Lý Hòa được đông đảo thanh niên, học sinh, trí thức và nhân dân địa phương nồng nhiệt đón tiếp. Tại Đồng Hới, một số người tích cực “*bàn nhau lấy danh nghĩa ở hội Quảng Tri để đón tiếp cụ và mời cụ dùng cơm trưa. Thế là lòng khao khát được thấy cụ Phan của chúng tôi được thỏa mãn... và tiếp đón thân mật ở hội quán hội Quảng Tri... cả công chức và nhân dân ngồi chật cả phòng hội quán*”¹¹. Về nội dung của các buổi nói chuyện của Phan Bội Châu tại Quảng Bình, trong tác phẩm “*Nhớ nghĩ chiều hôm*”, Đào Duy Anh hồi tưởng: “*Cụ khuyên chúng tôi là hội viên hội Quảng Tri nên học cho nhiều để hấp thụ nhiều kiến thức mới mà nước nhà sẽ phải cần đến để bước lên cõi văn minh*”¹². Có thể khẳng định, những buổi nói chuyện của Phan Bội Châu đã góp phần nhen nhóm, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân Quảng Bình, nhất là trong trong tầng lớp trí thức, thanh niên, học sinh.

Ngày 24 tháng 3 năm 1926, Phan Châu Trinh mất tại Sài Gòn đúng vào lúc phong trào yêu nước của quần chúng đang phát triển, đã gây xúc động mạnh đối với nhân dân cả nước. Vì vậy, đám tang của Phan Châu Trinh được các giới đồng bào tổ chức lớn như một quốc tang. Tại một số trường học và một vài địa phương, nhân dân

¹⁰ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (1995), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình*, Tập 1 (1930-1954), (Sơ thảo), In tại Xí nghiệp in Quảng Bình, tr.35.

¹¹ Đào Duy Anh (2000), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr.8-10.

¹² Đào Duy Anh (2000), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr.8-10.

Quảng Bình bày tỏ lòng tiếc thương đối với nhà yêu nước tiền bối bằng các lễ truy điệu trọng thể.

Ngày 6 tháng 4 năm 1927, học sinh trường Quốc học Huế tổ chức tổng bãi khóa chống lại việc hiệu trưởng nhà trường khinh rẻ học sinh bản xứ. Học sinh Quảng Bình ở trường Quốc học, Đồng Khánh, Kỹ nghệ thực hành tích cực tham gia và góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc bãi khóa. Trong cuộc đấu tranh này nổi bật vai trò của học sinh Võ Giáp (Đại tướng Võ Nguyên Giáp). Học sinh Võ Giáp là người “*đứng đầu đơn kiện hiệu trưởng về tội sỉ nhục làng mạc, không chế học sinh bản xứ và bịa có đũa học sinh Nguyễn Chí Diểu. Buổi học chiều ngày 6 tháng 4 học sinh không chịu vào lớp. Võ Giáp đứng lên hô lớn “bỏ học! bỏ học”, “phản đối đũa học sinh Nguyễn Chí Diểu vô cơ”, “phản đối đàn áp, theo dõi học sinh”. Tinh thần đấu tranh và lời hô đánh thếp của anh Võ Giáp nhanh chóng được học sinh hưởng ứng, cuộc bãi khóa thu thắng lợi nhưng một số học sinh bị bắt, bị đũa học*”¹³.

2.2.2. Phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản

Trong lúc phong trào dân tộc dân chủ ở trong nước phát triển mạnh mẽ, tháng 6 năm 1925 Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc). Bản *Chương trình* ghi rõ tôn chỉ mục đích của hội là “*hi sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản)*”¹⁴. Sau khi thành lập, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tích cực hoạt động, chú trọng công tác đào tạo cán bộ, phát triển hội viên và xây dựng tổ chức cơ sở của hội ở trong nước.

Tại Quảng Bình, học sinh Nguyễn Hữu Chuyên tham gia tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Thừa Thiên, năm 1929 bị ốm phải về quê điều trị. Nguyễn Hữu Chuyên tích cực phổ biến những tư tưởng tiến bộ mà anh đã tiếp thu được cho thanh niên, học sinh tại địa phương. Nhờ đó các nhóm đọc sách báo tiến bộ được hình thành ở thôn Thạch Bàn, An Xá thuộc huyện Lệ Thủy. Bên cạnh đó, một số học sinh trường Kỹ nghệ thực hành Huế tốt nghiệp về công tác tại Đồng Hới cũng tích cực xây dựng cơ sở thanh niên, chấp mối liên lạc với các nhóm đọc sách báo tiến bộ ở Quảng Bình. Ngoài ra, các học sinh Quảng Bình học ở Hà Nội, Huế bị đũa học như Quách Tuấn, Quách Vịnh về Bồ Trạch tổ chức các nhóm đọc sách báo tiến bộ để tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhóm đọc sách báo ở Bồ Trạch quyết định lấy các tờ báo tiến bộ như *Việt Nam hồn*, *Phong hóa*, *Hà thành thời báo* làm tài liệu học tập và tuyên truyền trong quần chúng, tập trung vào đối tượng là thanh niên, học sinh, dân nghèo... vận động đấu tranh chống các hủ tục phong kiến ở địa phương. Sau khi thành lập một thời gian, nhóm đọc sách báo ở Bồ Trạch chủ động bắt liên lạc với những người có tư tưởng tiến bộ ở Đồng Hới như Nghè Đãi, Nguyễn Kinh Chi để liên kết và mở rộng địa

¹³ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (1995), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình*, Tập 1 (1930-1954), (Sơ thảo), Tlđđ, tr.36.

¹⁴ Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.266.

bàn hoạt động. Trước tình hình đó, Kỳ bộ Thanh niên Trung Kỳ đã nhiều lần cử Võ Mai đến Quảng Bình kiểm tra tình hình, bắt liên lạc với các nhóm đọc sách báo tiến bộ để tuyên truyền, giác ngộ và giáo dục các hội viên, tiến tới thành lập tổ chức cơ sở của Hội.

Như vậy, mặc dù chưa hình thành được tổ chức nhưng những hoạt động của các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và một số nhóm đọc sách báo tiến bộ đã góp phần tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin trong tầng lớp trí thức, thanh niên, học sinh ở Quảng Bình.

Trong khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đang tích cực hoạt động, ngày 14 tháng 7 năm 1925, tại Vinh (Nghệ An), Hội Phục Việt (sau đổi tên là Hưng Nam rồi Tân Việt Cách mạng đảng) ra đời trên cơ sở hợp nhất nhóm cựu chính trị phạm và nhóm sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội. Hội đã đề ra tôn chỉ mục đích là *“liên hợp cả các đồng chí trong ngoài, trong thì dẫn đạo công nông binh, quần chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa đang kiến thiết một xã hội bình đẳng bác ái mới”*¹⁵.

Thành phần đảng viên của Tân Việt Cách mạng đảng chủ yếu là tầng lớp trí thức, công chức, học sinh, tiểu thương. Chủ trương của hội là truyền bá tư tưởng yêu nước, tập hợp lực lượng để chống lại chế độ thực dân phong kiến, giải phóng Tổ quốc. Sau một thời gian, tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng bước đầu xây dựng được một số cơ sở ở Quảng Bình: *“Một số ga trên tuyến đường sắt nhất là đoạn từ Vinh đến Turan như Sa Lung, Thuận Lý, Kẻ Rầy, Lạc Sơn đều có cơ sở của hội. Thị xã Đồng Hới có các ông Nghè Đãi, Nguyễn Kinh Chi cũng có liên lạc với hội”*¹⁶. Tháng 7 năm 1929, Lê Viết Lượng đặc phái viên của Tân Việt Cách mạng đảng đến ga Kẻ Rầy (Bố Trạch) bắt liên lạc với nhóm Tân Việt tại đây.

Sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt Cách mạng đảng là nhân tố đóng vai trò quyết định đối với sự thắng lợi của công cuộc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta, đưa đến sự phân hóa theo xu hướng tích cực trong nội bộ của hai tổ chức cách mạng này. Do đó, từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1929, ở Việt Nam ba tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn lần lượt ra đời.

Tháng 12 năm 1929, một số đại biểu ưu tú của Tân Việt Cách mạng đảng đã họp mặt trong một con thuyền trên sông Đò Trai (Đức Thọ, Hà Tĩnh) để thảo luận và thông qua các văn kiện của Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Tháng 1 năm 1930, Lê Viết Lượng đến ga Kẻ Rầy (Bố Trạch) thành lập Ban vận động Đông Dương Cộng sản liên đoàn gồm 3 người là Nguyễn Trịnh Di, Dương Đình Dư và đồng chí Phụng.

¹⁵ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1977), *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.155.

¹⁶ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (1995), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình*, Tập 1 (1930-1954), (Sơ thảo), Tlđđ, tr.38.

Như vậy, hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng đã góp phần truyền bá tư tưởng chống thực dân phong kiến, khơi dậy lòng tự tôn dân tộc, giáo dục tinh thần yêu nước trong nhân dân Quảng Bình, nhất là tầng lớp trí thức, thanh niên, học sinh. Cơ sở của Tân Việt Cách mạng đảng được hình thành tại ga Kẻ Rầy, phát huy ảnh hưởng tới thị xã Đồng Hới là sự kiện quan trọng góp phần hình thành chi bộ cộng sản đầu tiên ở Quảng Bình.

3. Thay lời kết luận

Từ thực tiễn phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình 30 năm đầu thế kỉ XX, chúng tôi xin rút ra một số nét lớn sau đây:

Thứ nhất, đầu thế kỉ XX tại Việt Nam đã ra đời một khuynh hướng cứu nước mới, đó là đường lối chống chủ nghĩa thực dân nhằm giành lại độc lập tự do cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh để lựa chọn một hướng đi đúng, biện pháp đúng, cho dù có lúc diễn ra gay gắt, nhưng không đi tới phủ định nhau, triệt tiêu nhau, mà lại kết hợp, bổ sung cho nhau, có lúc hỗ trợ, nương tựa nhau là một đặc điểm nổi bật của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên, ở Việt Nam lúc bấy giờ nói chung, Quảng Bình nói riêng chưa có đầy đủ những điều kiện chín muồi về kinh tế, chính trị, xã hội nên trào lưu dân tộc chủ nghĩa không tồn tại vững chắc, lâu dài và chưa đưa cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta đi đến thắng lợi được. Mặc dù vậy, phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình đầu thế kỉ XX là sự kế tục và phát triển truyền thống đấu tranh vũ trang bất khuất của nhân dân trong tỉnh.

Thứ hai, sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phong trào dân tộc dân chủ có những chuyển biến mạnh mẽ. Từ giữa những năm 20 của thế kỉ XX, phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình có bước phát triển mới, đi vào chiều sâu, với sự hình thành của các nhóm đọc sách báo chịu ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và sự ra đời cơ sở của Tân Việt Cách mạng đảng. Qua thực tiễn hoạt động, phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản ngày càng trưởng thành dẫn đến sự ra đời của Ban vận động Đông Dương Cộng sản liên đoàn tại ga Kẻ Rầy (Bố Trạch, Quảng Bình), là tiền đề quan trọng dẫn đến sự ra đời của chi bộ cộng sản đầu tiên ở Quảng Bình, đảm bảo cho sự thắng lợi của lập trường vô sản trong phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình.

Thứ ba, sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình có tính kế thừa và phát triển. Động lực chủ yếu của sự chuyển biến từ phạm trù phong kiến sang phạm trù tư sản đến phạm trù vô sản của phong trào dân tộc dân chủ Quảng Bình 30 năm đầu thế kỉ XX là chủ nghĩa yêu nước luôn được nâng cao và đổi mới về chất dưới tác động của tình hình trong nước và quốc tế. Sự chuyển biến có tính quy luật này bắt nguồn từ sự khảo nghiệm các con đường cứu nước của lịch sử dân tộc do các giai cấp, tầng lớp yêu nước khởi xướng. Cuối năm 1929 đầu năm 1930, con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản ở Quảng Bình đã có những bước tiến vững chắc.

Phần II:

QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CŨ - TRUNG ĐẠI

Từ những phân tích trên đây có thể khẳng định, phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Bình 30 năm đầu thế kỉ XX là một bộ phận không tách rời của phong trào chống Pháp trong cả nước, góp phần to lớn trong tiến trình phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam.